TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2026
Về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Tuyết.
Bà Mùa Thị Máy.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Khánh Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hạng A C, sinh năm 1980.
Địa chỉ: bản A, xã TX, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Mùa Thị D, sinh năm 1981.
Địa chỉ: bản SP, xã TX, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 30/10/2025 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hạng A C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hạng A C và chị Mùa Thị D sống chung với nhau từ khoảng năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Khi chung sống với nhau anh, chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do hai anh, chị bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, thường xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Hạng A C yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị Mùa Thị D.

Về con chung: có 03 con chung, con thứ nhất tên là Hạng A E, sinh ngày 10/8/2002; con thứ hai tên là Hạng Chống B, sinh ngày 05/9/2005 và con thứ ba tên

là Hạng Trang M, sinh ngày 01/10/2012. Cháu Hạng A E và Hạng Chống B đã thành niên (đủ 18 tuổi) đều đã lập gia đình riêng, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Hạng A C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hạng Trang M, sinh ngày 01/10/2012.

Về cấp dưỡng: anh Hạng A C chưa yêu cầu chị Mùa Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Hạng A C đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản xác minh lập ngày 15/12/2025 với chính quyền địa phương bản SP, xã TX, tỉnh Sơn La xác định:

Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ý kiến của anh Hạng A C trình bày. Hai anh, chị chung sống với nhu từ năm 1999 và không đăng ký kết hôn mặc dù đã được cính quyền địa phương tuyên truyền, vận động việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh, chị sống chung với nhau tại gia đình anh Hạng A C. Cuộc sống hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh, chị bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, đời sống chung không còn hòa hợp và hạnh phúc. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành và tự quyết định ly hôn trong gia đình, hai anh chị chưa yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Hai anh, chị đã sống ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Về con chung: có ba con chung là Hạng A E, sinh năm 2002; Hạng Chống B sinh năm 2005 và cháu Hạng Trang M, sinh năm 2012. Hiện các cháu đang sống cùng anh Hạng A C.

Trong cả quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn chị Mùa Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản SP, xã TX, tỉnh Sơn La. Chị D đã nhận được bản sao các tài liệu chứng cứ của anh C giao nộp tại Toà án, đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhân dân khu vực 5 - Sơn La nhưng cố tình vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án và được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Toà án áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hạng A C.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Hạng A C và chị Mùa Thị D.

- Về con chung: Cháu Hạng A E, sinh ngày 10/8/2002 và cháu Hạng Chống B, sinh ngày 05/9/2005 đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao Hạng Trang M, sinh ngày 01/10/2012 cho anh Hạng A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Anh Hạng A C chưa yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: nguyên đơn thuộc gia đình chính sách (hộ nghèo) là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hạng A C và chị Mùa Thị D chung sống với nhau từ năm 1999 tại bản SP, xã TX, tỉnh Sơn La nhưng không đăng ký kết hôn. Anh Hạng A C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Mùa Thị D cư trú tại bản SP, xã TX, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[2] Bị đơn Mùa Thị D đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Mùa Thị D đã cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Toà án. Toà án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương về việc tống đạt văn bản tố tụng của Toà án đối với chị Mùa Thị D. Chính quyền địa phương xác nhận có nhận được các văn bản tổ tụng của Toà án, đã thông báo để chị Mùa Thị D chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Chị Mùa Thị D biết anh Hạng A C khởi kiện ly hôn nhưng cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Chứng tỏ chị Mùa Thị D đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị Dợ và anh Mùa A B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kết quả xác minh với UBND xã TX, tỉnh Sơn La và trưởng bản SP, xã TX, tỉnh Sơn La xác định chị Thào Thị Dợ và anh Mùa A B chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hạng A C và chị Mùa Thị D.

[4] Về con chung: Anh, chị có ba con chung là Hạng A E, sinh ngày 10/8/2002; Hạng Chống B, sinh ngày 05/9/2005 và Hạng Trang M, sinh ngày 01/10/2012. Các cháu Hạng A E và Hạng Chống B đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, đều đã lập gia đình riêng. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 15/12/2025, cháu M đang được anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu có nguyện vọng được ở cùng bố. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của cháu cũng như yêu cầu của anh Hạng A C. Cần giao cháu M cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hạng A C chưa yêu cầu cấp dưỡng. Vì vậy, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Mùa Thị D.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Anh Hạng A C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên gia đình anh C thuộc hộ nghèo, anh Hạng A C là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ quy định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; tại phiên tòa, anh có yêu cầu được miễn án phí, do vậy cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hạng A C.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hạng A C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hạng A C và chị Mùa Thị D.

2. Về con chung: Các cháu Hạng A E, sinh ngày 10/8/2002; Hạng Chống B, sinh ngày 05/9/2005 đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, đều đã lập gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Hạng Trang M, sinh ngày 01/10/2012 cho anh Hạng A C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Mùa Thị D do anh Hạng A C chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Về án phí: Anh Hạng A C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

8. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/3/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- UBND xã TX, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Đức